

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GD CD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B01-01	Bùi Thúy An	511	29	7.3
B01-02	Nguyễn Phương Anh	514	29	7.3
B01-03	Trần Phương Anh	511	27	6.8
B01-04	Mai Quỳnh Anh	513	31	7.8
B01-05	Nguyễn Cửu Thị Vân Anh	513	26	6.5
B01-06	Trương Đăng Linh Đăng	512	29	7.3
B01-07	Phan Thị Hương Giang	513	23	5.8
B01-08	Huỳnh Thanh Giàu	514	23	5.8
B01-09	Trần Thanh Hằng	513	31	7.8
B01-10	Nguyễn Thị Thu Hằng	513	32	8
B01-11	Dương Thị Mỹ Hào	513	30	7.5
B01-12	Nguyễn Thị Thu Huyền	514	33	8.3
B01-13	Trần Gia Khang	511	29	7.3
B01-14	Nguyễn Quốc Khang	513	30	7.5
B01-15	Ngô Trần Anh Khoa	512	24	6
B01-16	Lê Trần Tuấn Kiệt	512	21	5.3
B01-17	Trần Minh Mai	511	21	5.3
B01-18	Nguyễn Thị Ngọc Mai	513	28	7
B01-19	Phạm Ngọc Kim Ngân	511	27	6.8
B01-20	Nguyễn Hồng Khánh Ngân	514	30	7.5
B01-21	Trần Nguyễn Bảo Ngân	512	27	6.8
B01-22	Phan Thị Nhân	511	31	7.8
B01-23	Lê Ngọc Yến Nhi	511	29	7.3
B01-24	Vũ Lê Yên Nhi	514	23	5.8
B01-25	Nguyễn Thanh Thảo	512	28	7
B01-26	Nguyễn Thị Thanh Thảo	514	27	6.8
B01-27	Bach Sỹ Thanh Thịnh	514	21	5.3
B01-28	Trần Uyên Thư	514	28	7
B01-29	Nguyễn Vũ Hà Tiên	512	25	6.3
B01-30	Hồ Ngọc Bảo Trâm	513	29	7.3
B01-31	Nguyễn Minh Trí	513	29	7.3
B01-32	Đỗ Mai Xuân Trường	514	31	7.8
B01-33	Thái Thị Cẩm Tú	511	27	6.8
B01-34	Lại Huyền Phương Uyên	514	33	8.3
B01-35	Dương Thị Tú Uyên	511	27	6.8
B01-36	Diệp Thanh Ý	514	24	6
B01-37	Nguyễn Huỳnh Như An	515	18	4.5
B01-38	Trần Võ Thanh Nga	515	12	3
B01-39	Nguyễn Tuấn Mạnh	515	24	6
B01-40	Lê Thanh Hiền	512	19	4.8
B01-41		#N/A	#N/A	#N/A
B01-42		#N/A	#N/A	#N/A
B01-43		#N/A	#N/A	#N/A
B01-44		#N/A	#N/A	#N/A
B01-45		#N/A	#N/A	#N/A
B01-46		#N/A	#N/A	#N/A
B01-47		#N/A	#N/A	#N/A
B01-48		#N/A	#N/A	#N/A
B01-49		#N/A	#N/A	#N/A
B01-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B02-01	Huỳnh Trần Minh An	513	33	8.3
B02-02	Lương Lý Ý An	513	29	7.3
B02-03	Đỗ Thiên Ân	511	30	7.5
B02-04	Đỗ Vũ Văn Anh	511	17	4.3
B02-05	Trần Thị Văn Anh	514	24	6
B02-06	Trần Nguyễn Khánh Bằng	513	29	7.3
B02-07	Nguyễn Thành Công	512	28	7
B02-08	Trần Thành Danh	514	22	5.5
B02-09	Lồng Mỹ Hạnh	514	28	7
B02-10	Hà Lan Hương	511	28	7
B02-11	Võ Anh Khoa	514	31	7.8
B02-12	Lý Anh Khoa	511	25	6.3
B02-13	Lê Ngọc Khánh Linh	513	24	6
B02-14	Chí Quang Tuệ Linh	513	29	7.3
B02-15	Phan Thị Thùy Linh	511	32	8
B02-16	Nguyễn Kim Ngân	512	27	6.8
B02-17	Trần Trung Nghĩa	513	28	7
B02-18	Võ Minh Nguyên	511	28	7
B02-19	Tạ Đông Nhi	512	25	6.3
B02-20	Cao Bảo Phúc	513	27	6.8
B02-21	Lê Hoàng Phước	511	31	7.8
B02-22	Hà Lan Phương	513	26	6.5
B02-23	Nguyễn Thảo Quyên	512	23	5.8
B02-24	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	514	27	6.8
B02-25	Trần Thị Tâm	513	25	6.3
B02-26	Nguyễn Văn Trí Thiện	513	34	8.5
B02-27	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	512	27	6.8
B02-28	Nguyễn Ngọc Minh Thư	512	25	6.3
B02-29	Lê Ngọc Minh Thư	514	28	7
B02-30	Huỳnh Đàm Thuý	511	28	7
B02-31	Nguyễn Thị Huyền Trang	513	28	7
B02-32	Vũ Tường Vân	514	32	8
B02-33	Mạch Đắc Vĩ	514	24	6
B02-34	Ngô Huỳnh Yến Vy	513	31	7.8
B02-35	Ngô Thị Thuý Vy	511	24	6
B02-36	Đặng Viên Nhật Vy	514	30	7.5
B02-37	Văn Hoàng Như Ý	512	29	7.3
B02-38	Võ Ngọc Hoàng Yến	511	23	5.8
B02-39	Trần Dương Hải Hạ	515	18	4.5
B02-40	Tô Vĩnh Phát	515	13	3.3
B02-41	Nguyễn Đăng Anh Thư	515	19	4.8
B02-42		#N/A	#N/A	#N/A
B02-43		#N/A	#N/A	#N/A
B02-44		#N/A	#N/A	#N/A
B02-45		#N/A	#N/A	#N/A
B02-46		#N/A	#N/A	#N/A
B02-47		#N/A	#N/A	#N/A
B02-48		#N/A	#N/A	#N/A
B02-49		#N/A	#N/A	#N/A
B02-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B03-01	Trần Hồng Ân	513	30	7.5
B03-02	Nguyễn Ngọc Hải Anh	512	23	5.8
B03-03	Nguyễn Phương Anh	512	34	8.5
B03-04	Đinh Thị Lan Anh	514	34	8.5
B03-05	Nguyễn Thị Lan Anh	511	29	7.3
B03-06	Trương Quỳnh Anh	513	32	8
B03-07	Võ Tuấn Anh	513	29	7.3
B03-08	Nguyễn Thế Ba	513	32	8
B03-09	Nguyễn Khoa Bảo	514	29	7.3
B03-10	Đường Y Bình	514	34	8.5
B03-11	Phan Tấn Chiến	0	0	0
B03-12	Tôn Quốc Đại	514	29	7.3
B03-13	Trương Hải Đăng	512	27	6.8
B03-14	Huỳnh Thị Xuân Diệu	512	27	6.8
B03-15	Nguyễn Trọng Dương	511	30	7.5
B03-16	Nguyễn Lê Hà	512	28	7
B03-17	Phan Thị Thanh Hiền	514	33	8.3
B03-18	Lê Mạnh Hùng	512	29	7.3
B03-19	Phan Hoàng Huy	514	26	6.5
B03-20	Trần Phúc Khang	513	35	8.8
B03-21	Trần Đăng Khoa	513	25	6.3
B03-22	Trần Nguyên Khôi	511	25	6.3
B03-23	Nguyễn Thị Thanh Kiều	511	21	5.3
B03-24	Trần Thị Mỹ Lanh	514	27	6.8
B03-25	Vũ Đoàn Thảo Ly	512	34	8.5
B03-26	Đinh Viết Quang Minh	512	28	7
B03-27	Bùi Thị Kim Ngân	514	34	8.5
B03-28	Trần Trịnh Bảo Ngọc	512	28	7
B03-29	Bùi Thị Bảo Ngọc	514	30	7.5
B03-30	Nguyễn Thị Anh Ngọc	511	25	6.3
B03-31	Nguyễn Khánh Nhi	512	29	7.3
B03-32	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	513	29	7.3
B03-33	Võ Thị Hồng Nhung	513	30	7.5
B03-34	Nguyễn Thiên Phúc	513	34	8.5
B03-35	Thái Kim Phụng	514	33	8.3
B03-36	Nguyễn Minh Quân	514	26	6.5
B03-37	Tô Minh Quý	514	32	8
B03-38	Bùi Ngọc Tâm	513	25	6.3
B03-39	Nguyễn Huỳnh Quang Thắng	511	33	8.3
B03-40	Phạm Trần Minh Thư	511	28	7
B03-41	Huỳnh Phương Thùy	514	31	7.8
B03-42	Nguyễn Phạm Đình Thuyết	511	33	8.3
B03-43	Nguyễn Minh Tiến	514	34	8.5
B03-44	Nguyễn Hùng Tiến	511	27	6.8
B03-45	Văn Thùy Trâm	513	29	7.3
B03-46	Dương Nguyễn Diệu Trâm	515	18	4.5
B03-47		#N/A	#N/A	#N/A
B03-48		#N/A	#N/A	#N/A
B03-49		#N/A	#N/A	#N/A
B03-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B04-01	Lê Cảnh Tuy Anh	511	28	7
B04-02	Nguyễn Chánh Tường Anh	514	35	8.8
B04-03	Lê Tú Anh	512	21	5.3
B04-04	Hồ Gia Bảo	512	26	6.5
B04-05	Phan Trần Thực Chi	514	28	7
B04-06	Võ Lê Hải Đăng	514	30	7.5
B04-07	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	511	37	9.3
B04-08	Phạm Phi Dũng	513	29	7.3
B04-09	Trần Quốc Hải	514	21	5.3
B04-10	Nguyễn Quốc Hào	511	26	6.5
B04-11	Lê Minh Hiếu	514	29	7.3
B04-12	Lê Quốc Hưng	513	26	6.5
B04-13	Trần Thanh Hương	514	29	7.3
B04-14	Dương Minh Huy	511	27	6.8
B04-15	Kim Tấn Khang	511	33	8.3
B04-16	Nguyễn Lê Thập Khang	514	30	7.5
B04-17	Phạm Cao Khiêm	512	27	6.8
B04-18	Nguyễn Vương Đăng Khoa	513	27	6.8
B04-19	Nguyễn Đăng Khoa	511	22	5.5
B04-20	Bùi Võ Minh Khôi	514	34	8.5
B04-21	Trương Hoàng Lam	514	23	5.8
B04-22	Phạm Thị Ngọc Lan	512	27	6.8
B04-23	Phạm Văn Linh	514	28	7
B04-24	Thái Thị Linh	512	32	8
B04-25	Phạm Thị Hồng Mai	513	17	4.3
B04-26	Hồ Văn Mạnh	514	26	6.5
B04-27	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	513	28	7
B04-28	Võ Thị Thu Nguyệt	511	32	8
B04-29	Trương Thị Hồng Nhi	514	27	6.8
B04-30	Đỗ Yến Nhi	511	28	7
B04-31	Ngô Vũ Thành Phát	512	24	6
B04-32	Trần Gia Phát	514	27	6.8
B04-33	Lê Huỳnh Minh Phú	511	27	6.8
B04-34	Lê Ngọc Phúc	511	29	7.3
B04-35	Nguyễn Thị Linh Phương	511	31	7.8
B04-36	Phạm Thanh Thảo	511	23	5.8
B04-37	Phan Yến Thảo	513	28	7
B04-38	Lâm Ngọc Anh Thư	513	25	6.3
B04-39	Vũ Duy Thức	513	23	5.8
B04-40	Vũ Nguyễn Diễm Thùy	511	31	7.8
B04-41	Nguyễn Thị Huyền Trân	512	25	6.3
B04-42	Nguyễn Minh Trí	513	24	6
B04-43	Bùi Vũ Minh Trật	513	33	8.3
B04-44	Trần Ngọc Phương Uyên	513	32	8
B04-45	Nguyễn Quốc Vinh	511	30	7.5
B04-46	Trần Duy Vương	513	22	5.5
B04-47	Hồ Ngọc Phương Vy	512	34	8.5
B04-48		#N/A	#N/A	#N/A
B04-49		#N/A	#N/A	#N/A
B04-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B05-01	Đinh Vĩ Ân	513	25	6.3
B05-02	Lê Ngọc Thi Ân	511	28	7
B05-03	Nguyễn Bảo Trâm Anh	512	26	6.5
B05-04	Lê Thị Hoàng Anh	514	19	4.8
B05-05	Nguyễn Phi Quốc Bảo	512	30	7.5
B05-06	Nguyễn Sinh Cầu	514	20	5
B05-07	Tô Anh Đức	513	26	6.5
B05-08	Nguyễn Thùy Dương	514	32	8
B05-09	Trương Đoàn Lê Duy	512	28	7
B05-10	Vũ Thị Thu Duyên	513	24	6
B05-11	Hồ Hoàng Giang	513	25	6.3
B05-12	Lê Thị Ngọc Hân	513	31	7.8
B05-13	Võ Quang Hiếu	512	27	6.8
B05-14	Nguyễn Thái Hoà	513	16	4
B05-15	Nguyễn Thị Xuân Hương	512	25	6.3
B05-16	Nguyễn Gia Huy	513	26	6.5
B05-17	Trần Gia Huy	513	29	7.3
B05-18	Nguyễn Hoàng Khang	512	31	7.8
B05-19	Nguyễn An Khang	512	27	6.8
B05-20	Lương Hoàng Nguyên Khang	514	31	7.8
B05-21	Cao Kim Khánh	512	34	8.5
B05-22	Nguyễn Gia Khánh	512	31	7.8
B05-23	Nguyễn Đăng Khánh	514	29	7.3
B05-24	Nguyễn Đăng Khôi	512	28	7
B05-25	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	512	29	7.3
B05-26	Phương Hoàng Minh Khôi	514	20	5
B05-27	Trần Nguyễn Trung Kiên	512	30	7.5
B05-28	Lê Trịnh Bích Liên	511	28	7
B05-29	Phạm Cao Minh Long	513	31	7.8
B05-30	Nguyễn Lê Ngọc Ly	514	28	7
B05-31	Nguyễn Hải Minh	514	31	7.8
B05-32	Vũ Hoài Nam	511	32	8
B05-33	Lê Võ Vương Nghi	511	30	7.5
B05-34	Lê Như Ngọc	513	29	7.3
B05-35	Trần Lê Phúc Nguyên	513	31	7.8
B05-36	Trần Mai Thanh Nhân	514	31	7.8
B05-37	Phạm Bùi Yến Nhi	513	28	7
B05-38	Nguyễn Hoàng Tuyết Nhi	513	27	6.8
B05-39	Ngô Thiều Yến Nhi	511	31	7.8
B05-40	Nguyễn Đoàn Quỳnh Như	513	35	8.8
B05-41	Võ Huỳnh Phước	513	26	6.5
B05-42	Hoàng Văn Thắng	513	29	7.3
B05-43	Hồ Diệp Thảo	513	25	6.3
B05-44	Trần Thanh Thúy	512	29	7.3
B05-45	Nguyễn Đức Trí	511	27	6.8
B05-46	Nguyễn Thị Thu Uyên	513	24	6
B05-47	Hà Nguyễn Như Ý	512	21	5.3
B05-48		#N/A	#N/A	#N/A
B05-49		#N/A	#N/A	#N/A
B05-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B06-01	Vũ Thị Ngọc Diệp	514	20	5
B06-02	Nguyễn Thị Ngọc Dung	512	25	6.3
B06-03	Nguyễn Thành Đạt	512	32	8
B06-04	Mai Vũ Nguyên Đức	511	33	8.3
B06-05	Đặng Thanh Hải	511	17	4.3
B06-06	Nguyễn Tấn Hùng	514	28	7
B06-07	Nguyễn Thanh Huy	511	29	7.3
B06-08	Trần Đăng Huy	514	23	5.8
B06-09	Vũ Quang Huy	512	28	7
B06-10	Lê Đăng Khởi	511	29	7.3
B06-11	Phan Tùng Lâm	512	32	8
B06-12	Nguyễn Thị Thủy Linh	512	30	7.5
B06-13	Nguyễn Trần Yến Linh	514	26	6.5
B06-14	Trần Quốc Lĩnh	512	26	6.5
B06-15	Nguyễn Thiên Lộc	513	29	7.3
B06-16	Nguyễn Hải Minh	511	31	7.8
B06-17	Vũ Ngọc Minh	513	34	8.5
B06-18	Lê Thị Kiều My	513	34	8.5
B06-19	Lương Nguyễn Ti Na	514	31	7.8
B06-20	Khổng Nhật Nam	513	31	7.8
B06-21	Nguyễn Thanh Ngân	511	29	7.3
B06-22	Nguyễn Thị Minh Ngọc	513	28	7
B06-23	Nguyễn Nhan Như Ngọc	511	21	5.3
B06-24	Nguyễn Lê Phúc Nguyên	511	22	5.5
B06-25	Nguyễn Trọng Phát	511	30	7.5
B06-26	Thái Trường Phong	511	35	8.8
B06-27	Phạm Tân Phú	514	25	6.3
B06-28	Lưu Trọng Tài	514	32	8
B06-29	Hồ Minh Thái	514	30	7.5
B06-30	Nguyễn Trường Thanh	512	32	8
B06-31	Đỗ Ngọc Thịnh	512	31	7.8
B06-32	Vũ Duy Thống	511	27	6.8
B06-33	Bùi Trần Anh Thư	513	27	6.8
B06-34	Nguyễn Thạch Anh Thư	511	27	6.8
B06-35	Nguyễn Các Thuận	511	28	7
B06-36	Ngô Bảo Trang	511	32	8
B06-37	Nguyễn Hoàng Tú Trinh	511	22	5.5
B06-38	Nguyễn Thanh Trúc	512	29	7.3
B06-39	Khuất Đăng Trường	511	26	6.5
B06-40	Bùi Quốc Trường	513	23	5.8
B06-41	Dương Quốc Tú	514	31	7.8
B06-42	Nguyễn Anh Tú	512	28	7
B06-43	Trần Thái Tuấn	514	23	5.8
B06-44	Diệp Xuân Tuyết	514	34	8.5
B06-45	Trần Lê Yến Vy	512	23	5.8
B06-46	Hứa Lê Kiệt	515	27	6.8
B06-47		#N/A	#N/A	#N/A
B06-48		#N/A	#N/A	#N/A
B06-49		#N/A	#N/A	#N/A
B06-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B07-01	Đỗ Nguyễn Tường An	511	31	7.8
B07-02	Nguyễn Đình Thiên Ân	514	19	4.8
B07-03	Huỳnh Kim Anh	511	34	8.5
B07-04	Dương Ngọc Châu	511	18	4.5
B07-05	Dương Khánh Hà	512	35	8.8
B07-06	Nguyễn Gia Hân	511	35	8.8
B07-07	Thông Thị Minh Hiền	512	17	4.3
B07-08	Tôn Thất Huy	512	28	7
B07-09	Đàm Huy Khang	511	29	7.3
B07-10	Nguyễn Anh Khoa	514	32	8
B07-11	Nguyễn Lê Minh Khoa	512	24	6
B07-12	Nguyễn Khánh Linh	511	30	7.5
B07-13	Nguyễn Phan Hiếu Nghi	513	33	8.3
B07-14	Trần Lê Bảo Ngọc	514	33	8.3
B07-15	Trần Xuân Nhật	513	29	7.3
B07-16	Trần Yến Nhi	514	31	7.8
B07-17	Phan Nguyễn Tuyết Nhi	512	28	7
B07-18	Nguyễn Hồ Uyên Nhi	512	28	7
B07-19	Trương Quang Nhị	514	32	8
B07-20	Ngô Mỹ Ngọc Như	511	33	8.3
B07-21	Dương Lê Nhựt	511	30	7.5
B07-22	Đặng Ngọc Phát	513	24	6
B07-23	Lê Quốc Phú	512	29	7.3
B07-24	Huỳnh Nam Phương	514	27	6.8
B07-25	Mai Trần Thiên Phương	512	22	5.5
B07-26	Phạm Lương Cát Phương	511	33	8.3
B07-27	Ngô Bình Minh Quân	512	29	7.3
B07-28	Trần Vĩnh Tài	512	31	7.8
B07-29	Ngô Nguyễn Thiên Thanh	512	26	6.5
B07-30	Phan Lê Tuấn Thành	513	29	7.3
B07-31	Lê Thị Thu Thảo	511	22	5.5
B07-32	Đoàn Quang Thịnh	512	31	7.8
B07-33	Hồ Ngọc Anh Thư	514	12	3
B07-34	Vũ Minh Thư	512	32	8
B07-35	Nguyễn Thị Thanh Thư	512	26	6.5
B07-36	Huỳnh Gia Toàn	512	32	8
B07-37	Huỳnh Ngọc Trán	512	23	5.8
B07-38	Khuê Lê Thực Trinh	514	27	6.8
B07-39	Nguyễn Minh Trinh	512	26	6.5
B07-40	Đặng Nguyễn Thanh Trúc	514	27	6.8
B07-41	Đoàn Thị Tường Vy	514	30	7.5
B07-42	Bùi Tường Vy	511	31	7.8
B07-43	Tăng Mạch Thanh Xuân	513	30	7.5
B07-44	Hà Khánh An	515	35	8.8
B07-45	Nguyễn Gia Thiện	515	13	3.3
B07-46		#N/A	#N/A	#N/A
B07-47		#N/A	#N/A	#N/A
B07-48		#N/A	#N/A	#N/A
B07-49		#N/A	#N/A	#N/A
B07-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B08-01	Đoàn Bình Phúc Ân	512	24	6
B08-02	Phạm Ngọc Lan Anh	513	26	6.5
B08-03	Nguyễn Phan Kỳ Anh	513	31	7.8
B08-04	Nguyễn Thị Khánh Băng	511	29	7.3
B08-05	Nguyễn Gia Bảo	514	18	4.5
B08-06	Hoàng Thiên Bảo	511	28	7
B08-07	Nguyễn Anh Bình	511	27	6.8
B08-08	Trương Phương Bình	513	31	7.8
B08-09	Thái Thành Danh	511	25	6.3
B08-10	Lê Ngọc Khang Duy	514	29	7.3
B08-11	Lê Đức Duy	514	28	7
B08-12	Vũ Tiến Đạt	512	32	8
B08-13	Nguyễn Đức Hiệp	511	25	6.3
B08-14	Phạm Huy Hoàng	512	21	5.3
B08-15	Trương Ngọc Huyền	511	30	7.5
B08-16	Bùi Huy Khang	513	25	6.3
B08-17	Bùi Nguyên Khánh	511	23	5.8
B08-18	Lê Tấn Kiệt	514	31	7.8
B08-19	Nguyễn Tuấn Kiệt	511	28	7
B08-20	Nguyễn Thị Thanh Loan	514	33	8.3
B08-21	Nguyễn Hồ Phi Long	511	29	7.3
B08-22	Võ Trương Thảo Ly	514	27	6.8
B08-23	Nguyễn Bình Thảo Ly	512	29	7.3
B08-24	Nguyễn Đặng Trà My	511	26	6.5
B08-25	Trần Thị Kim Ngân	513	30	7.5
B08-26	Nguyễn Dương Hoàng Nghi	513	11	5.8
B08-27	Ngô Huy Nhân	512	24	6
B08-28	Nguyễn Thành Nhân	512	24	6
B08-29	Nguyễn Minh Nhân	513	29	7.3
B08-30	Vũ Tiến Phát	513	32	8
B08-31	Nguyễn Gia Phú	512	31	7.8
B08-32	Trương Minh Quân	512	26	6.5
B08-33	Trần Đình Quang	513	26	6.5
B08-34	Thái Anh Quốc	512	30	7.5
B08-35	Huỳnh Quốc Thành	511	22	5.5
B08-36	Trịnh Phương Thảo	514	30	7.5
B08-37	Huỳnh Minh Thư	514	31	7.8
B08-38	Lê Bảo Tín	511	29	7.3
B08-39	Hồ Võ Thùy Trang	514	25	6.3
B08-40	Nguyễn Minh Trí	514	27	6.8
B08-41	Thủy Lê Thiên Trúc	511	25	6.3
B08-42	Phan Nam Trung	511	30	7.5
B08-43	Võ Ảnh Tuyết	512	28	7
B08-44	Đinh Phương Uyên	511	29	7.3
B08-45	Trần Vũ Khánh Vy	513	29	7.3
B08-46	Nguyễn Thị Hải Yến	513	32	8
B08-47	Võ Hoàng Ngọc Yến	513	26	6.5
B08-48		#N/A	#N/A	#N/A
B08-49		#N/A	#N/A	#N/A
B08-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B09-01	Trần Bảo Anh	511	23	5.8
B09-02	Lê Văn Anh	514	28	7
B09-03	Trương Hồng Ánh	512	20	5
B09-04	Lê Nguyễn Hồng Anh	514	29	7.3
B09-05	Đặng Thanh Bình	513	31	7.8
B09-06	Đinh Việt Duy	512	30	7.5
B09-07	Dương Nguyễn Anh Duy	512	24	6
B09-08	Đỗ Cao Đạt	514	30	7.5
B09-09	Nguyễn Võ Phúc Đức	511	21	5.3
B09-10	Trang Gia Hân	514	32	8
B09-11	Vũ Huỳnh Ngọc Hân	512	31	7.8
B09-12	Mai Xuân Hiếu	512	32	8
B09-13	Phạm Duy Hiếu	514	31	7.8
B09-14	Nguyễn Huy Hoàng	512	26	6.5
B09-15	Nguyễn Duy Hoàng	514	26	6.5
B09-16	Nguyễn Trọng Khánh Hoàng	511	29	7.3
B09-17	Lê Gia Huy	514	32	8
B09-18	Lý Gia Huy	511	32	8
B09-19	Phạm Quang Khải	512	31	7.8
B09-20	Nguyễn Đức Việt Khoa	512	21	5.3
B09-21	Triệu Đăng Khôi	513	29	7.3
B09-22	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	513	30	7.5
B09-23	Nguyễn Nhật Long	514	28	7
B09-24	Đoàn Công Mạnh	512	29	7.3
B09-25	Bùi Hoàng Minh	513	28	7
B09-26	Lê Duy Nhật Minh	511	32	8
B09-27	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	513	28	7
B09-28	Đinh Đức Thảo Nguyên	514	31	7.8
B09-29	Nguyễn Thanh Phong	513	22	5.5
B09-30	Phan Thanh Phúc	514	24	6
B09-31	Nguyễn Thiện Phúc	512	24	6
B09-32	Võ Thị Như Quỳnh	511	33	8.3
B09-33	Nguyễn Chu Thiện Tâm	511	28	7
B09-34	Nguyễn Văn Tấn	512	30	7.5
B09-35	Đỗ Huy Thắng	513	31	7.8
B09-36	Trần Như Thảo	512	20	5
B09-37	Lê Thanh Thảo	0	0	0
B09-38	Huỳnh Trần Quốc Thịnh	514	32	8
B09-39	Lê Hiền Thông	511	24	6
B09-40	Nguyễn Quốc Tịnh	512	31	7.8
B09-41	Huỳnh Minh Trí	512	29	7.3
B09-42	Nguyễn Đức Trung	514	23	5.8
B09-43	Nguyễn Phan Quốc Việt	512	25	6.3
B09-44	Đỗ Quốc Việt	512	32	8
B09-45	Nguyễn Quang Vinh	513	32	8
B09-46	Trần Quang Vũ	512	30	7.5
B09-47	Trần Mỹ Tường Vy	513	31	7.8
B09-48		#N/A	#N/A	#N/A
B09-49		#N/A	#N/A	#N/A
B09-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B10-01	Ngô Phạm Thùy An	514	28	7
B10-02	Văn Công Tuấn Anh	512	34	8.5
B10-03	Nguyễn Minh Anh	512	29	7.3
B10-04	Lê Văn Chi Bảo	513	26	6.5
B10-05	Ngô Nguyễn Phương Dung	514	22	5.5
B10-06	Ngô Ngọc Hân	512	31	7.8
B10-07	Nguyễn Thanh Hiền	511	27	6.8
B10-08	Trình Thị Thu Hiền	513	33	8.3
B10-09	Trương Quốc Hùng	0	0	0
B10-10	Nguyễn Thị Huyền	513	27	6.8
B10-11	Ngô Hoàng Kha	512	27	6.8
B10-12	Đỗ Minh Khánh	513	27	6.8
B10-13	Lê Hoàng Anh Khoa	514	24	6
B10-14	Nguyễn Trương Hoàng Long	512	23	5.8
B10-15	Hồ Nhật Minh	514	32	8
B10-16	Lê Trần Như Ngọc	512	22	5.5
B10-17	Trần Huỳnh Khánh Ngọc	512	26	6.5
B10-18	Trần Thị Xuân Nhi	514	30	7.5
B10-19	Đỗ Lê Ngọc Như	514	29	7.3
B10-20	Lê Hải Phong	513	28	7
B10-21	Hoàng Nga Phương	512	30	7.5
B10-22	Dương Thị Ngọc Phương	#N/A	#N/A	#N/A
B10-23	Hồ Huỳnh Xuân Phương	514	24	6
B10-24	Lưu Quốc Tài	512	26	6.5
B10-25	Đoàn Hữu Trường Thành	514	31	7.8
B10-26	Tăng Hoài Thương	513	25	6.3
B10-27	Trình Thị Thanh Thủy	514	23	5.8
B10-28	Nguyễn Đăng Minh Thy	514	30	7.5
B10-29	Võ Thị Ngọc Thy	512	23	5.8
B10-30	Trần Đỗ Minh Tiến	513	35	8.8
B10-31	Nguyễn Lê Đoan Trang	512	29	7.3
B10-32	Nguyễn Hồ Minh Trí	512	32	8
B10-33	Tăng Ngọc Thanh Vân	511	24	6
B10-34	Đỗ Thị Yến Vi	513	31	7.8
B10-35	Huỳnh Trần Bảo Việt	514	28	7
B10-36	Phạm Lê Vinh	513	21	5.3
B10-37	Bùi Nguyễn Đức Vinh	511	22	5.5
B10-38	Lênh Phúc Vĩnh	512	21	5.3
B10-39	Lê Phước Anh Vũ	514	27	6.8
B10-40	Nguyễn Ngọc Yến	511	26	6.5
B10-41	Nguyễn Minh Tâm	0	0	0
B10-42	Lê Bảo Anh Toàn	515	18	4.5
B10-43	Đinh Huỳnh Bảo Trân	514	28	7
B10-44	Vũ Khánh Duy	514	26	6.5
B10-45	Phạm Thanh Phúc	512	20	5
B10-46		#N/A	#N/A	#N/A
B10-47		#N/A	#N/A	#N/A
B10-48		#N/A	#N/A	#N/A
B10-49		#N/A	#N/A	#N/A
B10-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B11-01	Đỗ Phương Anh	514	34	8.5
B11-02	Đỗ Vũ Minh Anh	511	35	8.8
B11-03	Nguyễn Phương Bình	511	27	6.8
B11-04	Trần Đại Thanh Bình	514	30	7.5
B11-05	Vũ Hoàng An Bình	512	20	5
B11-06	Phạm Ngọc Bảo Châu	513	33	8.3
B11-07	Đào Văn Công	#N/A	#N/A	#N/A
B11-08	Mai Nguyễn Ngọc Diễm	513	25	6.3
B11-09	Phạm Nguyễn Quốc Đạt	511	28	7
B11-10	Huỳnh Trọng Đến	513	31	7.8
B11-11	Lê Xuân Hóa	511	26	6.5
B11-12	Nguyễn Phúc Hoàng	513	22	5.5
B11-13	Nguyễn Huy Hoàng	513	31	7.8
B11-14	Phan Gia Huy	513	33	8.3
B11-15	Hồ Gia Huy	513	25	6.3
B11-16	Lương Thị Như Huỳnh	511	31	7.8
B11-17	Trần Quang Khải	514	34	8.5
B11-18	Nguyễn Ngọc Minh	512	29	7.3
B11-19	Dương Cao Minh	512	30	7.5
B11-20	Hoàng Bảo Nghi	511	27	6.8
B11-21	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	512	29	7.3
B11-22	Phạm Khôi Nguyên	512	26	6.5
B11-23	Ân Trường Nhi	511	25	6.3
B11-24	Châu Huệ Nhi	513	31	7.8
B11-25	Vũ Hoàng Yến Nhi	513	28	7
B11-26	La Tấn Phát	511	30	7.5
B11-27	Phan Đồng Minh Quân	514	31	7.8
B11-28	Nguyễn Trần Thắng Quang	513	22	5.5
B11-29	Trần Kim Quỳnh	513	28	7
B11-30	Nguyễn Thành Tài	514	28	7
B11-31	Nguyễn Trung Thắng	511	27	6.8
B11-32	Nguyễn Thông	513	30	7.5
B11-33	Vũ Thụy Minh Thư	511	26	6.5
B11-34	Nguyễn Hoàng Minh Thư	513	31	7.8
B11-35	Nguyễn Phương Thùy	513	30	7.5
B11-36	Trần Lê Bích Trâm	511	22	5.5
B11-37	Khổng Nguyễn Minh Trâm	514	32	8
B11-38	Lê Phạm Bảo Trân	511	30	7.5
B11-39	Đỗ Minh Trí	514	32	8
B11-40	Trần Anh Tuấn	511	29	7.3
B11-41	Nguyễn Châu Nhật Tường	511	31	7.8
B11-42	Nguyễn Mai Giáng Tuyết	512	24	6
B11-43	Vũ Thị Thùy Vân	513	16	4
B11-44	Hồ Thị Thúy Vi	511	30	7.5
B11-45	Lương Phong Vũ	511	33	8.3
B11-46	Nguyễn Dương Thiên Ý	514	29	7.3
B11-47		#N/A	#N/A	#N/A
B11-48		#N/A	#N/A	#N/A
B11-49		#N/A	#N/A	#N/A
B11-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B12-01	Trần Khánh An	512	24	6
B12-02	Nguyễn Thị Mỹ Anh	511	34	8.5
B12-03	Đặng Quỳnh Anh	513	31	7.8
B12-04	Nguyễn Đăng Dũng	513	31	7.8
B12-05	Dư Nguyễn Hoàng Duy	511	28	7
B12-06	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	514	29	7.3
B12-07	Nguyễn Phúc Hậu	514	27	6.8
B12-08	Dương Mỹ Hoà	513	34	8.5
B12-09	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	511	33	8.3
B12-10	Dư Thái Hồng	514	25	6.3
B12-11	Trần Thiện Huy	511	23	5.8
B12-12	Nguyễn Thành Khang	513	32	8
B12-13	Phan Quốc Khánh	513	30	7.5
B12-14	Hoàng Lê Đăng Khoa	511	31	7.8
B12-15	Đinh Tấn Kiệt	513	31	7.8
B12-16	Đoàn Thị Cẩm Ly	512	36	9
B12-17	Võ Anh Minh	514	26	6.5
B12-18	Quách Kim Mỹ	512	33	8.3
B12-19	Phùng Thị Kim Ngân	511	34	8.5
B12-20	Lê Phan Văn Nghĩa	511	31	7.8
B12-21	Võ Thành Nhân	514	30	7.5
B12-22	Lê Văn Nhân	511	34	8.5
B12-23	Nguyễn Phan Thảo Nhi	511	31	7.8
B12-24	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	514	26	6.5
B12-25	Nguyễn Trần Yến Như	512	32	8
B12-26	Nguyễn Hồng Nhung	513	32	8
B12-27	Nguyễn Thị Hằng Ny	514	34	8.5
B12-28	Huỳnh Đình Long Phi	514	34	8.5
B12-29	Nguyễn Danh Phú	514	34	8.5
B12-30	Nguyễn Thị Thu Phương	511	31	7.8
B12-31	Nguyễn Khương Tấn Tài	511	32	8
B12-32	Bùi Lê Thanh Thảo	512	33	8.3
B12-33	Nguyễn Thị Thanh Thảo	514	33	8.3
B12-34	Cao Hoàng Thông	513	30	7.5
B12-35	Ngô Đặng Anh Thư	513	29	7.3
B12-36	Trần Nguyễn Hào Tín	514	30	7.5
B12-37	Trần Thái Toàn	514	29	7.3
B12-38	Trương Thế Toàn	511	31	7.8
B12-39	Đinh Nguyễn Ngọc Thanh Trang	512	32	8
B12-40	Nguyễn Quốc Trung	512	35	8.8
B12-41	Trương Anh Tú	512	31	7.8
B12-42	Lê Thanh Tuấn	513	27	6.8
B12-43	Võ Hoàng Thảo Vy	511	33	8.3
B12-44	Đinh Ngọc Tường Vy	514	30	7.5
B12-45	Trần Ngọc Trường Vy	512	32	8
B12-46	Phạm Hoàng Hải Yến	513	34	8.5
B12-47		#N/A	#N/A	#N/A
B12-48		#N/A	#N/A	#N/A
B12-49		#N/A	#N/A	#N/A
B12-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B13-01	Nguyễn Quốc Bảo	513	32	8
B13-02	Đỗ Quốc Bảo	511	36	9
B13-03	Tô Tấn Đạt	513	32	8
B13-04	Bùi Thành Đạt	513	29	7.3
B13-05	Phan Đặng Quốc Đạt	511	34	8.5
B13-06	Trịnh Hương Giang	511	36	9
B13-07	Bùi Thị Kim Hằng	511	33	8.3
B13-08	Nguyễn Anh Hào	513	34	8.5
B13-09	Lê Đức Minh Hiếu	511	33	8.3
B13-10	Trần Đào Phương Hồng	512	32	8
B13-11	Nguyễn Lê Mỹ Huyền	513	31	7.8
B13-12	Đỗ Thái Gia Hy	514	33	8.3
B13-13	Nguyễn Trần Nguyên Khang	511	35	8.8
B13-14	Nguyễn Lê Nguyên Khánh	511	34	8.5
B13-15	Phạm Nguyễn Anh Khoa	513	33	8.3
B13-16	Bùi Thanh Khôi	513	29	7.3
B13-17	Ngô Hồng Khánh Linh	513	32	8
B13-18	Trịnh Thị Cẩm Ly	514	31	7.8
B13-19	Nguyễn Quang Minh	511	33	8.3
B13-20	Phạm Hoàng Minh	513	29	7.3
B13-21	Võ An Thuận My	514	33	8.3
B13-22	Nguyễn Trà My	512	35	8.8
B13-23	Đinh Trần Hoàng Ngân	514	34	8.5
B13-24	Nguyễn Thái Phương Nghi	511	34	8.5
B13-25	Võ Nguyên Kim Ngọc	514	31	7.8
B13-26	Trần Khoa Nguyên	514	34	8.5
B13-27	Đỗ Thị Yến Như	512	32	8
B13-28	Nguyễn Hưng Phát	514	29	7.3
B13-29	Nguyễn Hồ Minh Phương	513	33	8.3
B13-30	Đỗ Trung Quân	511	34	8.5
B13-31	Khuất Minh Tấn	512	31	7.8
B13-32	Hồ Trần Quang Thắng	514	31	7.8
B13-33	Huỳnh Uyển Thi	513	33	8.3
B13-34	Lê Phạm Anh Thư	511	28	7
B13-35	Hoàng Minh Thư	514	27	6.8
B13-36	Lê Thị Kim Thúy	512	32	8
B13-37	Nguyễn Kim Tiến	513	30	7.5
B13-38	Nguyễn Vi Yến Trang	514	33	8.3
B13-39	Dương Tú Trang	511	29	7.3
B13-40	Phan Thái Thanh Trúc	513	35	8.8
B13-41	Nguyễn Thị Thanh Trúc	513	35	8.8
B13-42	Ngô Phương Uyên	514	26	6.5
B13-43	Đỗ Đặng Phương Uyên	512	35	8.8
B13-44	Hoàng Ngọc Vy	512	31	7.8
B13-45	Nguyễn Thị Hoàng Linh	511	29	7.3
B13-46		#N/A	#N/A	#N/A
B13-47		#N/A	#N/A	#N/A
B13-48		#N/A	#N/A	#N/A
B13-49		#N/A	#N/A	#N/A
B13-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B14-01	Trình Ngọc Phương Anh	513	35	8.8
B14-02	Nguyễn Trần Quốc Bảo	514	32	8
B14-03	Phạm Cao Hoàng Gia Bảo	512	28	7
B14-04	Sầm Tuấn Bình	512	29	7.3
B14-05	Trần Hoàng Bảo Châu	513	32	8
B14-06	Lê Thị Thanh Duyên	513	34	8.5
B14-07	Lâm Thành Duyên	511	29	7.3
B14-08	Nguyễn Thị Thủy Dương	512	24	6
B14-09	Phan Ngọc Tâm Đăng	511	33	8.3
B14-10	Nguyễn Đoàn Thúy Hằng	514	30	7.5
B14-11	Huỳnh Đỗ Xuân Hảo	511	31	7.8
B14-12	Trần Thanh Hòa	514	29	7.3
B14-13	Thái Mai Văn Hùng	513	29	7.3
B14-14	Đỗ Đức Huy	514	30	7.5
B14-15	Nguyễn Đức Gia Huy	512	31	7.8
B14-16	Văn Phú Khánh	514	30	7.5
B14-17	Trình Nguyễn Nhứt Khoa	513	30	7.5
B14-18	Trần Ánh Vương Khuê	511	29	7.3
B14-19	Tất Gia Kiệt	513	31	7.8
B14-20	Đỗ Phùng Ngọc Linh	514	29	7.3
B14-21	Trần Thị Thanh Ngân	512	33	8.3
B14-22	Nguyễn Thị Kim Ngân	512	32	8
B14-23	Đặng Thị Kim Ngân	514	34	8.5
B14-24	Vũ Trung Nghĩa	514	33	8.3
B14-25	Lê Minh Nguyệt	513	31	7.8
B14-26	Lê Thị Yến Nhã	513	23	5.8
B14-27	Đoàn Gia Nhi	#N/A	#N/A	#N/A
B14-28	Hồ Ngọc Phương Nhi	512	32	8
B14-29	Nguyễn Hoàng Oanh	512	34	8.5
B14-30	Võ Thanh Phát	512	26	6.5
B14-31	Nguyễn Ánh Thành Phát	512	21	5.3
B14-32	Võ Nguyễn Đức Phú	511	28	7
B14-33	Trần Văn Quang	511	34	8.5
B14-34	Nguyễn Thị Như Quỳnh	513	30	7.5
B14-35	Lai Phạm Thanh Tâm	514	30	7.5
B14-36	Vòng Ni Thanh	514	33	8.3
B14-37	Hồ Trường Phương Thảo	511	34	8.5
B14-38	Trần Lê Long Thiện	511	24	6
B14-39	Trương Vũ Minh Thư	512	31	7.8
B14-40	Lê Ngọc Phương Thùy	513	35	8.8
B14-41	Nguyễn Hữu Trí	511	34	8.5
B14-42	Đỗ Thanh Tùng	513	34	8.5
B14-43	Trần Phạm Minh Uyên	512	33	8.3
B14-44	Trần Lê Quang Vinh	514	35	8.8
B14-45	Hồ Thị Yến Vy	514	34	8.5
B14-46	Nguyễn Nhật Vy	511	35	8.8
B14-47	Trần Thanh An	512	35	8.8
B14-48		#N/A	#N/A	#N/A
B14-49		#N/A	#N/A	#N/A
B14-50		#N/A	#N/A	#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : GDCD 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B15-01	Trần Thảo An	514	28	7
B15-02	Đoàn Thị Hồng Ân	512	33	8.3
B15-03	Nguyễn Trâm Anh	511	32	8
B15-04	Minh Anh	514	26	6.5
B15-05	Lê Kiều Anh	512	23	5.8
B15-06	Phượng Đại Bảo	512	32	8
B15-07	Nguyễn Anh Minh Châu	511	22	5.5
B15-08	Nguyễn Thị Phương Diễm	513	31	7.8
B15-09	Lê Thùy Dung	511	30	7.5
B15-10	Nguyễn Hồng Quỳnh Duyên	514	34	8.5
B15-11	Nguyễn Trương Mộc Hải	513	25	6.3
B15-12	Trịnh Bảo Hân	511	32	8
B15-13	Dương Thanh Hằng	512	30	7.5
B15-14	Lê Thị Kim Hằng	512	33	8.3
B15-15	Trần Thị Hiền	513	24	6
B15-16	Hoàng Thị Quỳnh Hương	512	33	8.3
B15-17	Trần Hoàng Huy	512	28	7
B15-18	Nguyễn Huy Khang	514	29	7.3
B15-19	Nguyễn Bích Khuê	514	31	7.8
B15-20	Lê Nguyễn Ngọc Linh	512	32	8
B15-21	Đinh Hồ Khánh Loan	511	31	7.8
B15-22	Đào Thị Diệp Mai	511	31	7.8
B15-23	Nguyễn Hoàng Kim Nga	513	32	8
B15-24	Phạm Khánh Nghi	513	33	8.3
B15-25	Lý Chấn Nghiệp	512	28	7
B15-26	Phạm Lê Yến Nhi	512	33	8.3
B15-27	Nguyễn Thị Thủy Nhiên	511	29	7.3
B15-28	Lê Thị Quỳnh Như	514	33	8.3
B15-29	Nguyễn Lê Quỳnh Như	511	24	6
B15-30	Lê Đoàn Kim Phúc	#N/A	#N/A	#N/A
B15-31	Nguyễn Yến Phương	513	27	6.8
B15-32	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	511	31	7.8
B15-33	Nguyễn Lê Phương Thanh	511	30	7.5
B15-34	Nguyễn Ngọc Tuyết Thanh	513	33	8.3
B15-35	Nguyễn Thị Minh Thư	512	34	8.5
B15-36	Diệp Nguyễn Anh Thư	514	26	6.5
B15-37	Ngô Bảo Trân	513	31	7.8
B15-38	Trần Quốc Trí	513	30	7.5
B15-39	Phạm Trọng Trí	513	33	8.3
B15-40	Mai Đức Trung	512	32	8
B15-41	Nguyễn Xuân Trường Vy	511	33	8.3
B15-42	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	512	33	8.3
B15-43	Lê Khánh Vy	514	29	7.3
B15-44	Vô Khánh Vy	514	32	8
B15-45	Vô Ngọc Hạ Vy	512	31	7.8
B15-46	Vòng Vĩnh Xuân	511	34	8.5
B15-47		#N/A	#N/A	#N/A
B15-48		#N/A	#N/A	#N/A
B15-49		#N/A	#N/A	#N/A
B15-50		#N/A	#N/A	#N/A